

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành;

2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà [Ngô Thị Mai H](#), sinh năm 2001; Địa chỉ: [Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông [Nguyễn Văn T](#), sinh năm 1992; Địa chỉ: [Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà [Đào Thị N](#), sinh năm 1974; Địa chỉ: [Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà [Ngô Thị Mai H](#) trình bày và yêu cầu: Bà và ông [Nguyễn Văn T](#) cưới nhau cưới nhau tháng 11-2023 có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#) ngày 24-10-2023. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, đã ly thân từ tháng 02-2024 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông [Nguyễn Văn T](#);

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung: Trước đây bà có yêu cầu chia đôi tài sản chung (do ông [T](#) quản lý, sử dụng) gồm: 01 lắc tay 02 chỉ vàng 18Kr, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18Kr, 01 nhẫn trơn 02 chỉ vàng 24Kr, 01 đồng hồ hiệu AppleWatch, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 căn nhà cấp 4 lắp ráp (cất trên đất thuê) và hoàng hóa ve chai giá trị khoảng 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 109.370.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông [T](#) trả lại giá trị 01 điện thoại di động hiệu Iphone, do ông [T](#) đập. Tại phiên hòa giải ngày 03-6-2024 và ngày 25-6-2024, bà và ông [T](#) đã thống nhất để tự thỏa thuận về chia tài sản chung, bà xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Trước đây bà có yêu cầu chia đôi số nợ của bà [Đào Thị N](#); Tại phiên hòa giải ngày 03-6-2024 và ngày 25-6-2024, bà và ông [T](#) đã thống nhất nay xác định là nợ riêng, để bà tự thỏa thuận với bà [N](#), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 03-6-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà [Ngô Thị Mai H](#) về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, việc không có con chung, nợ chung và về việc tài sản chung để tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà [H](#). Ông yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ.

- Tại Bản tự khai ngày 03-6-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Đào Thị N](#) trình bày: Bà [H](#) đã thống nhất số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng bà [H](#) có nghĩa vụ trả, nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để bà và bà [H](#) tự thỏa thuận.

Vụ án được hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà [Ngô Thị Mai H](#) khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông [Nguyễn Văn T](#); Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung; các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 24-10-2023 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà H và yêu cầu đoàn tụ của ông T: Bà H và ông T thống nhất xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, đã ly thân từ tháng 02-2024 đến nay. Bà H và ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mâu thuẫn vợ chồng.

Tuy nhiên, xét từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân, bà H khởi kiện tại Tòa án, được Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành 02 lần và đến nay, bà H và ông T không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Ngược lại, ông T yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thể khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết;

[5] Về chia tài sản chung:

Trước đây bà H có yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: 01 lắc tay 02 chỉ vàng 18Kr, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18Kr, 01 nhẫn trơn 02 chỉ vàng 24Kr, 01 đồng hồ hiệu AppleWatch, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 căn nhà cấp 4 lắp ráp (cát trên đất thuê) và hoàng hóa ve chai giá trị khoảng 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 109.370.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông T trả lại giá trị 01 điện thoại di động hiệu Iphone, do ông T đập.

Tại các phiên hòa giải ngày 03-6-2024 và ngày 25-6-2024, bà H và ông T đã thống nhất để tự thỏa thuận, bà H xin rút tòa bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa của bà H là tự nguyện, nên đình chỉ phần yêu cầu này, không đề cập giải quyết. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia nợ chung: Số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng bà H xác định có nghĩa vụ trả cho bà N, nên bà N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để bà N và bà H tự thỏa thuận, là tự nguyện, nên không đề cập giải quyết. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà H đã nộp đủ án phí; Bà H rút yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, trả lại cho bà H 1.367.125 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T và bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Mai H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về chia tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu của bà Ngô Thị Mai H về chia đôi các tài sản chung gồm: 01 lắc tay 02 chỉ vàng 18K, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K, 01 nhẫn trơn 02 chỉ vàng 24K, 01 đồng hồ hiệu AppleWatch, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 căn nhà cấp 4 lắp ráp (cát trên đất thuê) và hoàng hóa ve chai giá trị khoảng 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 109.370.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông T trả lại giá trị 01 điện thoại di động hiệu Iphone, do ông T đập.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004425 ngày 08-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, bà H đã nộp đủ án phí.

- Trả lại cho bà Ngô Thị Mai H 1.367.125 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004424 ngày 08-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23-7-2024);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương